

Số:04/2021/ QĐST-KDTM

B, ngày 11 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điều 35, khoản 3 Điều 144 và khoản 3 Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 280, 282, 292, 299, 317, 320, 322, 357, 463, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 90, 91 và Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số:01/2021/TLST-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2021;

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: 89 Láng Hạ, phường L, Quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý ngân hàng V

Người được ủy quyền lại: Ông Trịnh Trung B- chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP V(Theo giấy ủy quyền số: 4505 ngày 08/12/2020)

- Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ N

Địa chỉ: Số 89 Trần Hưng Đạo, phường B, thị xã B, tỉnh T

Người đại diện theo pháp luật:

Bà Trần Thị T- sinh năm 1973- Chức vụ: Giám đốc

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị T - sinh năm 1973

Trú tại: Địa chỉ: Số 89 Trần Hưng Đ, phường B, thị xã B, tỉnh T
2/ Ông Đinh Quan T- sinh năm 1971

Trú tại: Số 89 Trần Hưng Đạo, phường B, thị xã B, tỉnh T

Người được ông Đinh Quang T ủy quyền: Bà Trần Thị T- sinh năm 1973

Trú tại: Số 89 Trần Hưng Đạo, phường B, thị xã B, tỉnh T
(Theo giấy ủy quyền ngày 02/02/2021)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số nợ: Các đương sự thống nhất Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ N phải trả cho ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn, tiền phạt chậm trả lãi theo các hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 03/03/2021 là 5.319.719.557đ(Năm tỷ, ba trăm mười chín triệu, bảy trăm mười chín ngàn, năm trăm năm mươi bảy đồng)(Trong đó nợ gốc là 4.076.468.590đ, lãi trong hạn là 87.736.128đ, lãi quá hạn là 1.054.328.970đ và lãi phạt chậm trả 101.185.868đ).

Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ N có trách nhiệm thanh toán (trả nợ) cho Ngân hàng TMCP V số tiền 5.319.719.557đ(Năm tỷ, ba trăm mười chín triệu, bảy trăm mười chín ngàn, năm trăm năm mươi bảy đồng) và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng(Hợp đồng cho vay số: 040718-48165558-01- SME ngày 05/7/2018, hợp đồng cho vay số: 090119-4816558-01-SME ngày 09/01/2019, hợp đồng cho vay hạn mức số: 170719-4816558-01-SME ngày 29/7/2019, giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số: 220618- 4816558-01-SME/TTD ngày 23/6/2018) đã ký với ngân hàng kể từ ngày 04/3/2021 cho đến khi thanh toán hết dư nợ cho ngân hàng.

Về phương thức trả nợ: Các đương sự thỏa thuận ngày 28/4/2021 Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ N trả cho Ngân hàng 50.000.000đ(trả vào nợ gốc), ngày 28/5/2021 trả tiếp 50.000.000đ(trả vào nợ gốc), đến 28/6/2021 Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ N tất toán toàn bộ nghĩa vụ của số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả.

Nếu Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ N thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại đối với tài sản thế chấp để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ N với Ngân hàng TMCP V.

Tài sản bảo đảm khoản vay:

01 xe ô tô TOYOTA số loại VIOS BKS: 36A- 331.21 số khung RL4B29F36J5043496, số máy 2NRX338461 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ N. Theo giấy hẹn lấy chứng nhận đăng ký do Phòng cảnh sát

giao thông ĐB- ĐS Công an tỉnh T cấp ngày 04/7/2018(Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 040718-4816558-01- SME/TC ngày 04/7/2018)

01 xe ô tô TOYOTA số loại HILUX BKS: 36C-272.17 số khung MR0HB3CD9J0333068, số máy 2GD 8335908 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ N. Theo giấy hẹn lấy chứng nhận đăng ký do phòng cảnh sát giao thông- Công an tỉnh T cấp ngày 08/01/2019 (Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 090119-4816558-01-SME/TC ngày 09/01/2019).

Trong trường hợp Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ, VP Bank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại những tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ N và bà Trần Thị T, ông Đinh Quang T để thu hồi khoản nợ vay.

*** Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:** Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ N phải nộp án phí KDTM là: 56.659.859đ(Năm mươi sáu triệu, sáu trăm, năm mươi chín ngàn, tám trăm năm chín đồng).

Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 56.523.774đ(Năm mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi ba ngàn, bảy trăm bảy mươi tư đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thị xã B theo biên lai thu số:AA/2019/0007159 ngày 07/01/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Dương sự;
- VKDND thị xã B
- Chi cục Thi hành án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TÓNG THỊ HÀ